UBND TỈNH ĐẮK LẮK **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:0161 /TB-SYT	*Đắk Lắk, ngày 04 tháng 12 năm 2025*

THÔNG BÁO
Về việc yêu cầu báo giá thuốc Danh mục thuốc mua sắm tập trung cấp địa phương giai đoạn 2026-2027

Triển khai thực hiện Quyết định số 0848/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 và Quyết định số 01304/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Danh mục thuốc mua sắm tập trung cấp địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc danh mục thuốc mua sắm tập trung cấp địa phương giai đoạn 2026-2027, cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

- Số điện thoại liên hệ: 02623.855.708.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, theo địa chỉ: Số 68 Lê Duẩn, Phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bản scan và file mềm định dạng excel của báo giá gửi qua địa chỉ email: phongnghiepvuyduoc@gmail.com.

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ ngày 05 tháng 12 năm 2025 đến trước 17h ngày 15 tháng 12 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Báo giá thực hiện theo ***Biểu mẫu 01*** và ***Biểu mẫu 02*** đính kèm Công văn này.

- Báo giá phải được đại diện đơn vị ký tên và đóng dấu, ghi rõ ngày/tháng/năm báo giá. Giá đã bao gồm thuế, phí theo quy định.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 15/12/2025.

2. Danh mục thuốc yêu cầu báo giá bao gồm:

- Danh mục thuốc generic;

- Danh mục thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền;

- Danh mục vị thuốc cổ truyền.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II và III kèm theo)

Trân trọng kính mời các đơn vị cung ứng thuốc quan tâm gửi báo giá về Sở Y tế theo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:
- Các đơn vị cung ứng thuốc;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Văn phòng (đăng Website Sở Y tế);
- Đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Lưu: VT, NVYD

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Hữu Vũ Quang

BIỂU MẪU 01. MẪU BÁO GIÁ THUỐC GENERIC;
THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ KẾT HỢP DƯỢC CHẤT VỚI CÁC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ
[ghi tên, địa chỉ của đơn vị báo giá]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi : Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Thông báo số /TB-SYT ngày /12/2025 của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk về việc yêu cầu báo giá thuốc thuộc danh mục thuốc mua sắm tập trung cấp địa phương giai đoạn 2026-2027, Công ty…….gửi báo giá các sản phẩm cung ứng như sau:

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ Tên thành phần	Nhóm TCKT	Nồng độ/ Hàm lượng	SĐK/ Số GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)

Ghi chú: Các thông tin tại Báo giá ghi theo Giấy phép lưu hành sản phẩm.

Đơn giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các loại chi phí khác (nếu có).
Báo giá này có hiệu lực trong vòng 120 ngày kể từ ngày 15/12/2025.

……, ngày…. tháng…. năm 2025
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

BIỂU MẪU 02. MẪU BÁO GIÁ VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ
[ghi tên, địa chỉ của đơn vị báo giá]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi : Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Thông báo số /TB-SYT ngày /12/2025 của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk về việc yêu cầu báo giá thuốc thuộc danh mục thuốc mua sắm tập trung cấp địa phương giai đoạn 2026-2027, Công ty…….gửi báo giá các sản phẩm cung ứng như sau:

STT	Mã thuốc	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Tên khoa học	SĐK/ Số GPNK	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)

Ghi chú: Các thông tin tại Báo giá ghi theo Giấy phép lưu hành sản phẩm.

Đơn giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các loại chi phí khác (nếu có).
Báo giá này có hiệu lực trong vòng 120 ngày kể từ ngày 15/12/2025.

……, ngày…. tháng…. năm 2025
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

PHỤ LỤC I. DANH MỤC THUỐC GENERIC YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng (Tạm tính)
1	2251007000039	Acid amin	Nhóm 4	5%/250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	11.064
2	2251007000041	Acid amin	Nhóm 4	5%/500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	8.080
3	2251007000050	Acid amin	Nhóm 2	10%/250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	5.000
4	2251007000138	Amlodipin + Telmisartan	Nhóm 1	5mg+40mg	Uống	Viên	Viên	22.400
5	2251007000325	Carbimazol	Nhóm 1	5mg	Uống	Viên	Viên	2.000
6	2251007000327	Carbocistein	Nhóm 2	375mg	Uống	Viên nang	Viên	20.000
7	2251007000329	Carbocistein	Nhóm 4	125mg/5ml;75ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói/Túi/Chai/Lọ/Ống/ Bịch	14.600
8	2251007000373	Cefdinir	Nhóm 3	100mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi/Chai/Lọ/Ống	2.000
9	2251007000545	Digoxin	Nhóm 1	0,25mg	Uống	Viên	Viên	10.860
10	2251007000578	Doxycyclin	Nhóm 4	100mg	Uống	Viên	Viên	13.400
11	2251007000605	Ephedrin	Nhóm 1	10mg/ml;1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	2.450
12	2251007000692	Fluvoxamin	Nhóm 4	50mg	Uống	Viên	Viên	36.000
13	2251007000697	Furosemid	Nhóm 4	80mg	Uống	Viên	Viên	6.920
14	2251007000708	Gabapentin	Nhóm 4	300mg	Uống	Viên	Viên	31.200
15	2251007000745	Glipizid	Nhóm 2	10mg	Uống	Viên	Viên	64.000
16	2251007000746	Glucose	Nhóm 4	5%;100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	1.180
17	2251007000753	Glucose	Nhóm 4	30%;250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	5.036
18	2251007000772	Granisetron hydroclorid	Nhóm 4	1mg/1ml; 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	400
19	2251007000787	Hydrocortison	Nhóm 4	1%;10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Bịch/Túi/Ống/ Tuýp	160

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng (Tạm tính)
20	2251007000788	Hydrocortison	Nhóm 4	1%;15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Bịch/Túi/Ống/ Tuýp	500
21	2251007000790	Hydrocortison	Nhóm 4	10mg	Uống	Viên	Viên	10.000
22	2251007000805	Ibuprofen	Nhóm 4	200mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi/Chai/Lọ/Ống	2.400
23	2251007000817	Indapamid	Nhóm 4	1,25mg	Uống	Viên	Viên	22.000
24	2251007000822	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn	Nhóm 1	40IU/ml;10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	880
25	2251007000835	Insulin người trộn, hỗn hợp	Nhóm 5	40IU/ml;10ml (30/70)	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	6.000
26	2251007000867	Kali clorid	Nhóm 1	600mg	Uống	Viên	Viên	109.260
27	2251007000885	Ketoprofen	Nhóm 1	30mg	Dùng ngoài	Miếng dán	Miếng	4.800
28	2251007001001	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Nhóm 4	(200mg+175mg+ 25mg)/5ml;5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói/Túi/Chai/Lọ/Ống/ Bịch	98.000
29	2251007001064	Methocarbamol	Nhóm 2	1g	Uống	Viên	Viên	10.000
30	2251007001145	Natri clorid + dextrose/glucose	Nhóm 4	(0,45%+5%);500 ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	2.000
31	2251007001203	Nước oxy già	Nhóm 4	1,2g/20ml (3%);100ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Bịch/Túi/Ống/ Tuýp	3.200
32	2251007001234	Oxytocin	Nhóm 4	10IU/ml;1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	24.000
33	2251007001243	Papaverin hydroclorid	Nhóm 4	40mg	Uống	Viên	Viên	97.000
34	2251007001247	Paracetamol	Nhóm 4	120mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi/Chai/Lọ/Ống	50.880
35	2251007001248	Paracetamol	Nhóm 4	120mg/5ml;15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói/Túi/Chai/Lọ/Ống/ Bịch	60.600
36	2251007001281	Paracetamol + chlorpheniramin	Nhóm 4	(250mg+2mg)/5 ml;5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói/Túi/Chai/Lọ/Ống/ Bịch	24.000
37	2251007001288	Paracetamol + chlorpheniramin + dextromethorphan	Nhóm 4	650mg+10mg+20 mg	Uống	Viên	Viên	158.000
38	2251007001293	Paracetamol + codein	Nhóm 4	500mg+10mg	Uống	Viên	Viên	52.100

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng (Tạm tính)
39	2251007001332	Phenoxy methylpenicilin	Nhóm 4	1.000.000IU	Uống	Viên	Viên	79.984
40	2251007001398	Progesteron	Nhóm 4	200mg	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	2.000
41	2251007001414	Quetiapin	Nhóm 4	100mg	Uống	Viên	Viên	20.000
42	2251007001415	Quetiapin	Nhóm 4	150mg	Uống	Viên	Viên	25.920
43	2251007001443	Rifampicin	Nhóm 3	150mg	Uống	Viên nang	Viên	5.200
44	2251007001444	Rifampicin	Nhóm 4	300mg	Uống	Viên nang	Viên	1.960
45	2251007001455	Rosuvastatin	Nhóm 4	5mg	Uống	Viên nang	Viên	20.000
46	2251007001502	Sắt sulfat + acid folic	Nhóm 4	182mg+330mcg	Uống	Viên nang	Viên	86.000
47	2251007001524	Sitagliptin	Nhóm 4	50mg	Uống	Viên	Viên	200.000
48	2251007001585	Terbutalin	Nhóm 1	0,5mg/ml;1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	1.600
49	2251007001633	Tretinoin + Erythromycin	Nhóm 4	(0,025%+4%);10 g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Bịch/Túi/Ống/ Tuýp	5.440
50	2251007001636	Triamcinolon	Nhóm 4	80mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	200
51	2251007001704	Vitamin B1 + B6 + B12	Nhóm 4	50mg+250mg+5 mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	22.480

PHỤ LỤC II. DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ KẾT HỢP DƯỢC CHẤT VỚI CÁC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng (Tạm tính)
1	3251007000015	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp/Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông/Mạch môn, Bạc hà/Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối/Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà/menthol	Nhóm 3		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/Gói/Túi	137.200
2	3251007000215	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, (Mã tiền).	Nhóm 2		Uống	Viên nang	Viên	220.000

PHỤ LỤC III. DANH MỤC VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Mã thuốc	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng (Tạm tính)
1	4251007000002	Ba kích	Nhóm 2	Rễ	*Radix Morindae officinalis*	Phức chế: Chích cam thảo	DĐVN V/TCCS	Kg	32
2	4251007000026	Can khương	Nhóm 2	Thân rễ	*Rhizoma Zingiberis*	Sơ chế	DĐVN V/TCCS	Kg	100
3	4251007000052	Địa long	Nhóm 2	Toàn thân	*Pheretima*	Phức chế: Tẩm rượu	DĐVN V/TCCS	Kg	163
4	4251007000066	Hậu phác nam (Quế rừng)	Nhóm 2	Vỏ	*Cortex Cinnamomi iners*	Phức chế: Chích gừng	DĐVN V/TCCS	Kg	22
5	4251007000102	Lức (Sài hồ nam)	Nhóm 2	Rễ	*Radix Plucheae pteropodae*	Sơ chế	DĐVN V/TCCS	Kg	50
6	4251007000105	Mạn kinh tử	Nhóm 2	Quả	*Fructus Viticis*	Sơ chế	DĐVN V/TCCS	Kg	10
7	4251007000114	Ngũ vị tử	Nhóm 2	Quả	*Fructus Schisandrae*	Phức chế: Tẩm mật	DĐVN V/TCCS	Kg	102
8	4251007000131	Sài hồ	Nhóm 2	Rễ	*Radix Bupleuri*	Phức chế: Chưng rượu	DĐVN V/TCCS	Kg	53
9	4251007000134	Sinh khương	Nhóm 3	Thân rễ	*Rhizoma Zingiberis recens*	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Kg	150
10	4251007000138	Sơn tra	Nhóm 2	Quả	*Fructus Mali*	Sơ chế	DĐVN V/TCCS	Kg	40
11	4251007000146	Thạch quyết minh	Nhóm 3	Vỏ bào ngư	*Concha Haliotidis*	Phức chế: Nung hở/Nung kín	DĐVN V hoặc TCCS	Kg	5
12	4251007000148	Thanh bì	Nhóm 3	Vỏ quả	*Pericarpium Citri reticulatae viridae*	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Kg	2
13	4251007000150	Thảo quyết minh	Nhóm 2	Hạt	*Semen Cassiae torae*	Phức chế: Sao vàng	DĐVN V/TCCS	Kg	206